

# Liều dùng & điều chỉnh liều XELODA® trong quá trình điều trị



## Liều dùng được khuyến cáo trong ung thư đại trực tràng

Đơn trị liệu:

- 1,250mg/ m<sup>2</sup>da × 2 lần mỗi ngày × 14 ngày (sau đó nghỉ 7 ngày)

Điều trị phối hợp:

- Hoặc
- 800 – 1,000mg/ m<sup>2</sup>da × 2 lần mỗi ngày × 14 ngày (sau đó nghỉ 7 ngày)
  - 650mg/ m<sup>2</sup>da × 2 lần mỗi ngày × dùng liên tục.

## Cách tính liều chuẩn và giảm liều cho liều khởi đầu

| Liều 1250 mg/ m <sup>2</sup> da                |                                       | Mức liều 1250 mg/ m <sup>2</sup> da (hai lần mỗi ngày)                                         |       |                                              |                                              |
|------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                                                | Đủ liều<br>1250 mg/ m <sup>2</sup> da | Số viên 150 mg và/hoặc viên 500 mg<br>mỗi lần dùng<br>(mỗi lần dùng vào buổi sáng và buổi tối) |       | Giảm liều (75%)<br>950 mg/ m <sup>2</sup> da | Giảm liều (50%)<br>625 mg/ m <sup>2</sup> da |
| Diện tích<br>bề mặt cơ thể (m <sup>2</sup> da) | Liều mỗi lần dùng<br>(mg)             | 150mg                                                                                          | 500mg | Liều mỗi lần dùng<br>(mg)                    | Liều mỗi lần dùng<br>(mg)                    |
| ≤1,26                                          | 1500                                  | -                                                                                              | 3     | 1150                                         | 800                                          |
| 1,27 – 1,38                                    | 1650                                  | 1                                                                                              | 3     | 1300                                         | 800                                          |
| 1,39 – 1,52                                    | 1800                                  | 2                                                                                              | 3     | 1450                                         | 950                                          |
| 1,53 – 1,66                                    | 2000                                  | -                                                                                              | 4     | 1500                                         | 1000                                         |
| 1,67 – 1,78                                    | 2150                                  | 1                                                                                              | 4     | 1650                                         | 1000                                         |
| 1,79 – 1,92                                    | 2300                                  | 2                                                                                              | 4     | 1800                                         | 1150                                         |
| 1,93 – 2,06                                    | 2500                                  | -                                                                                              | 5     | 1950                                         | 1300                                         |
| 2,07 – 2,18                                    | 2650                                  | 1                                                                                              | 5     | 2000                                         | 1300                                         |
| ≥2,19                                          | 2800                                  | 2                                                                                              | 5     | 2150                                         | 1450                                         |

| Liều 1000 mg/ m <sup>2</sup> da                |                                       | Mức liều 1000 mg/ m <sup>2</sup> da (hai lần mỗi ngày)                                         |       |                                              |                                              |
|------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                                                | Đủ liều<br>1000 mg/ m <sup>2</sup> da | Số viên 150 mg và/hoặc viên 500 mg mỗi<br>lần dùng<br>(mỗi lần dùng vào buổi sáng và buổi tối) |       | Giảm liều (75%)<br>750 mg/ m <sup>2</sup> da | Giảm liều (50%)<br>500 mg/ m <sup>2</sup> da |
| Diện tích<br>bề mặt cơ thể (m <sup>2</sup> da) | Liều mỗi lần dùng<br>(mg)             | 150mg                                                                                          | 500mg | Liều mỗi lần dùng<br>(mg)                    | Liều mỗi lần dùng<br>(mg)                    |
| ≤1,26                                          | 1150                                  | 1                                                                                              | 2     | 800                                          | 600                                          |
| 1,27 – 1,38                                    | 1300                                  | 2                                                                                              | 2     | 1000                                         | 600                                          |
| 1,39 – 1,52                                    | 1450                                  | 3                                                                                              | 2     | 1100                                         | 750                                          |
| 1,53 – 1,66                                    | 1600                                  | 4                                                                                              | 2     | 1200                                         | 800                                          |
| 1,67 – 1,78                                    | 1750                                  | 5                                                                                              | 2     | 1300                                         | 800                                          |
| 1,79 – 1,92                                    | 1800                                  | 2                                                                                              | 3     | 1400                                         | 900                                          |
| 1,93 – 2,06                                    | 2000                                  | -                                                                                              | 4     | 1500                                         | 1000                                         |
| 2,07 – 2,18                                    | 2150                                  | 1                                                                                              | 4     | 1600                                         | 1050                                         |
| ≥2,19                                          | 2300                                  | 2                                                                                              | 4     | 1750                                         | 1100                                         |

Tài liệu tham khảo: Tờ thông tin sản phẩm

*Handwritten signature:* Okeech 12/11/23

**Xeloda®**  
capecitabine